

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Khoản 9 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 164 và điều 166 Bộ luật dân sự 2015;
- Khoản 1 điều 203 Luật đất đai 2013;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 209/2019/TLST.DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận này.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Minh H** sinh năm 1968
Trú tại: khu vực P, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lưu Ngọc T -
Luật sư, Văn phòng Luật sư Lưu Ngọc T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.
2. Bị đơn:
 - 2.1. Ông **Lê Long M** sinh năm 1973
Trú tại: khu vực P, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.
 - 2.2. Bà **Nguyễn Thị Thu T** sinh năm 1976
Trú tại: khu vực P, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông **Lê Văn N** sinh năm 1942
Trú tại: khu vực P, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.
Ông N ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Phạm Hữu A, sinh năm 1963 - ấp X, xã Y, huyện Z, thành phố Cần Thơ.
4. Người làm chứng:
Bà **Lê Thị Đ** sinh năm 1955

Trú tại: khu vực S, phường G, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn ông Phạm Minh H với bị đơn ông Lê Long M và bà Nguyễn Thị Thu T thống nhất thỏa thuận:

Ông Lê Long M và bà Nguyễn Thị Thu T được toàn quyền sử dụng phần đất đang quản lý diện tích 53,3m², mục đích sử dụng CLN (một phần vị trí A) theo Trích đo địa chính, đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02372 (số seri AL 576473), thửa số 137, tờ bản đồ số 03 do UBND huyện Thốt Nốt cấp ngày 30.01.2008 cho ông Phạm Minh Hùng đứng tên quyền sử dụng - đất tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện T nay là khu vực P, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

Các bên đương sự tự thỏa thuận thối hoàn giá trị tài sản tranh chấp - đã thực hiện xong.

Đối với công trình, vật kiến trúc trên đất, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký và điều chỉnh diện tích sử dụng.

Ông M, bà T có nghĩa vụ nộp các chi phí tài chính phát sinh trong quá trình cấp giấy đất.

Trường hợp ông H không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tách quyền sử dụng cho ông M bà T thì UBND quận T có quyền thu hồi giấy đất của ông Hùng để lập thủ tục cấp giấy đất cho ông M bà T.

(Gửi kèm Trích đo địa chính số: 85/TTKTTNMT ngày 14.8.2020 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh H đối với bị đơn ông Lê Văn N.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

./ Bị đơn ông Lê Long M và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với trường hợp hòa giải thành là 150.000 đồng.

./ Nguyên đơn ông Phạm Minh H được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2019/011871 ngày 04.12.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí trích đo địa chính: Nguyên đơn ông Phạm Minh H tự nguyện chịu 7.000.000 đồng - đã thực hiện xong.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT
Thẩm phán

Nguyễn Thanh Điền